

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Bích Vân**

2. Ông **Bùi Quang Việt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 572/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6152/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Vũ Quỳnh T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 1 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Tran Anh N**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Karns Court – Apt # 2409 – Canyon Cntry – CA 91387, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2018 và bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Vũ Quỳnh T trình bày:

Bà và ông Tran Anh N quen biết nhau khoảng 6 tháng, sau đó hai bên tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2180, quyền số 11 ngày 04/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn ông Tran Anh N quay trở về Mỹ còn bà ở Việt Nam. Thời gian đầu hai bên có liên lạc để làm thủ tục bảo lãnh cho bà sang Hoa Kỳ để sống cùng chồng. Do việc phỏng vấn không thành công nên ông N không về Việt Nam, hai bên sống ly thân từ năm 2016. Do thời gian xa cách đã lâu, vợ chồng không có điều kiện sống chung. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tran Anh N.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 19/11/2018 của bị đơn ông Tran Anh N được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/11/2018 có nội dung như sau:

Ông và bà Phạm Vũ Quỳnh T kết hôn với nhau vào năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2180, quyển số 11 ngày 04/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì ông quay trở lại Hoa Kỳ. Do việc phỏng vấn của bà T không thành công nên vợ chồng không thể đoàn tụ, ông cũng không thể về Việt Nam sinh sống vì vậy hai bên không còn liên lạc. Nhận thấy hoàn cảnh địa lý xa xôi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Vũ Quỳnh T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Nguyên đơn bà Phạm Vũ Quỳnh T, bị đơn ông Tran Anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Vũ Quỳnh T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Tran Anh N cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Vũ Quỳnh T, bị đơn ông Tran Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Phạm Vũ Quỳnh T và ông Tran Anh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2180, quyển số 11 ngày 04/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Phạm Vũ Quỳnh T thì sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc bình thường. Sau 2 tháng ông Tran Anh N quay trở về Hoa Kỳ còn bà ở lại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau để làm thủ tục bảo lãnh cho bà T qua Hoa Kỳ định cư. Do hồ sơ phỏng vấn không đạt nên bà không thể qua Hoa Kỳ đoàn tụ với chồng, ông N cũng không trở về Việt Nam, từ 2016 đến nay hai bên không còn liên lạc và sống ly thân. Lời khai ông Tran Anh N cũng xác nhận do hoàn cảnh địa lý xa xôi, vợ chồng không thể đoàn tụ để gần gũi, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì vậy tình cảm dần phai nhạt. Bà T xác định không còn tình cảm với chồng, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa đôi bên của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Vũ Quỳnh T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Vũ Quỳnh T được ly hôn ông Tran Anh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2180, quyển số 11 ngày 04/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Phạm Vũ Quỳnh T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, căn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số

AA/2017/0045636 ngày 12/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Vũ Quỳnh T và bị đơn ông Tran Anh N; bà Phạm Vũ Quỳnh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Tran Anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung